

Số: /TCBC-STP

Cà Mau, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29/4/2026. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành: Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) *Sự cần thiết:* Thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản có liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

b) *Mục đích:* Quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan; nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, góp

phần hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách khác phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Nội dung chủ yếu: Quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4.1. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

4.2. Ký hợp đồng ủy thác: Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau.

4.3. Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và phân giao nguồn vốn ngân sách địa phương

a) Quy trình chuyển nguồn vốn

- Hằng năm, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Sở Tài chính thực hiện chuyển vốn ủy thác để cho vay qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển nguồn ngân sách địa phương.

- Hình thức cấp phát bằng Lệnh chi tiền.

- Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Quy trình phân bổ chỉ tiêu nguồn vốn cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Trưởng Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phân bổ chỉ tiêu cho vay đến cấp xã theo quy định. Căn cứ chỉ tiêu cho vay được giao nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chỉ tiêu đến các ấp, khóm để cho vay theo quy định.

4.4. Đối tượng cho vay

a) Đối tượng cho vay theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Các đối tượng chính sách khác tại địa phương (*ngoài đối tượng quy định tại Khoản a Mục 4.4 nêu trên*) theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4.5 Mục đích sử dụng vốn vay: Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ; các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tại từng thời kỳ và quy định của địa phương (*nếu có*).

4.6. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay: Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.

4.7. Quy trình, thủ tục cho vay, phương thức cho vay: Theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ; bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ và quy định của địa phương.

4.8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Về thẩm quyền gia hạn nợ: Giao Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

b) Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

4.9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý, hạch toán và phân bổ số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên.

a) Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (*không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh*).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được.

d) Phần còn lại (*nếu có*) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

Chậm nhất ngày 10/7 hàng năm, sau khi đã trích các khoản phí theo quy định tại điểm a, b, và điểm c Mục 4.9 nêu trên, số dư còn lại (*nếu có*) hạch toán

bổ sung vào nguồn vốn cho vay. Cuối năm tài chính, trên cơ sở số lãi thu được trong năm, thực hiện quyết toán lại để hạch toán đầy đủ, đúng quy định.

4.10. Xử lý nợ bị rủi ro

a) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg.

b) Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội: Thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Ngân hàng Chính sách xã hội trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

- Trường hợp dự phòng Quỹ rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế của khoản vay bị rủi ro, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dự phòng rủi ro tối đa, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

4.11. Chế độ báo cáo

a) Chậm nhất trước ngày 15/01 hằng năm và trước ngày 20/01 năm thứ 4/thứ 5 của kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo, dự kiến nhu cầu vốn tín dụng chính sách từ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chậm nhất trước ngày 20/01 hằng năm và trước ngày 25/01 năm thứ 4/thứ 5 của kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành, Sở Tài chính báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến bố trí vốn từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

c) Trước ngày 25/01 hằng năm và trước ngày 30/01 năm thứ 4/thứ 5 của kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

d) Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tình hình nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

4.12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán: Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo quy định và các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Cục PBGDPL - Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc